TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27 - 6 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG - TỈNH VĨNH LONG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Phụng

Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** (Không tham gia)

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 04/3/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hồ Thị Hồng S, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã C, tỉnh Vĩnh Long)

- *Bị đơn*: Ông Phan Tấn T, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Số A, khóm E, phường I, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (nay là phường L, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/02/2025 và quá trình giải quyết vụ án, bà Hồ Thị Hồng S trình bày:

Bà S và ông Phan Tấn T tìm hiểu nhau và tổ chức đám cưới sống chung sau đó đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2010 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không quan tâm nhau. Từ năm 2013, bà S, ông T sống ly thân đến nay. Bà S nhận thấy vợ

chồng chung sống không hạnh phúc, hôn nhân không hàn gắn được, yêu cầu ly hôn với ông T.

Con chung: Bà S, ông T có 02 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 18/9/2010; Phan Gia C, sinh ngày 25/7/2012. Bà S yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn Phan Tấn T: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không nhận văn bản trình bày ý kiến của ông T gửi Tòa án. Tòa án cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được do ông T vắng mặt hai lần, không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà S là người có quyền khởi kiện ông T tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố V nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân thành phố V. Nguyên đơn có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai dù đã được triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Vì vậy, thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 28, 35, 39, 186, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bà S và ông T đăng ký kết hôn tại A, thành phố V vào ngày 01/02/2010. Cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn theo nguyên đơn xác định do bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cãi. Bà S và ông T sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không còn quan tâm lẫn nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn ông T.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà S, ông T không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không còn sự tự nguyện của bà S muốn sống chung cùng ông T. Tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh nhưng hai bên không tìm ra giải pháp để hòa hợp, hàn gắn tình cảm nên mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc ly hôn ông T.

[3] Bà S, ông T có 02 con chung tên Phan Gia H, sinh ngày 18/9/2010; Phan Gia C, sinh ngày 25/7/2012 đang do bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà S yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, ông T không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến không đồng ý bà S tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tại biên bản ghi lời khai ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố V, các cháu Phan Gia H, Phan Gia C đều có nguyện vọng sống cùng với mẹ do mẹ chăm sóc tốt. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S, buộc ông T giao bà S tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Phan Gia H, Phan Gia C. Bà S không yêu cầu ông T cấp dưỡng con chung nên ông T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung Phan Gia H, Phan Gia C.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Nợ chung: Không có.

[5] Án phí: Buộc bà S nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Hồng S.

- Bà Hồ Thị Hồng S và ông Phan Tấn T ly hôn với nhau.

- Về con chung: Buộc ông Phan Tấn T giao bà Hồ Thị Hồng S tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung Phan Gia H, sinh ngày 18/9/2010; Phan Gia C, sinh ngày 25/7/2012. Ông Phan Tấn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng hai con chung Phan Gia H, Phan Gia C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có.

2. Buộc bà Hồ Thị Hồng S nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số No 0007679 ngày 19/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V nên bà Hồ Thị Hồng S không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát: 1;
- Thi hành án: 1;
- UBND phường L, tỉnh Vĩnh Long: 1;
- Đương sự: 2;
- Lưu: 5.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân